TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 163/2024/QĐST-HNGĐ	*Quận 7, ngày 27 tháng 3 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào các Điều 212, Điều 213 và Khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 116 và Điều 118 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 99/2024/HNST ngày 26/02/2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà Huỳnh Thị Diệp X, sinh năm 1964; địa chỉ: E Khu dân cư V, Khu phố D, phường P, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Trần Văn C, sinh năm 1959; địa chỉ: E Khu dân cư V, Khu phố D, phường P, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Diệp X và ông Trần Văn C tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 1986, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật (Giấy chứng nhận kết hôn số 6, Quyển số 0186 đăng ký ngày 01/02/1986 tại Ủy ban nhân dân Phường G, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh) theo quy định pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp. Do đó, khi có yêu cầu ly hôn được áp dụng các quy định về ly hôn của Luật Hôn nhân và Gia đình và thủ tục giải quyết theo Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình chung sống, giữa bà X và ông C phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng khác biệt, bất đồng về quan điểm sống. Cả hai đã cùng nhau khắc phục, nhưng không có kết quả. Vợ chồng không còn quan tâm, không chăm sóc lẫn nhau. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng hàn gắn, đoàn tụ; cả hai yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận thuận tình ly hôn.

Xét thấy mục đích hôn nhân giữa bà X và ông C không đạt được, không có khả năng đoàn tụ. Việc thuận tình ly hôn của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên chấp nhận.

[2] Về con chung: Căn cứ Giấy khai sinh số 92, Quyển số 0186 đăng ký ngày 06/5/1986 tại Ủy ban nhân dân Phường G, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh và Bản sao Giấy khi sinh số 305, Quyển số 01/91 đăng ký ngày 14/7/1991 tại Ủy ban nhân dân Phường G, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh; cùng lời xác nhận của ông C và bà X; ông bà có 02 (hai) con chung, họ và tên: Trần Thị Diễm H (nữ), sinh ngày 07/04/1986 (đã trưởng thành) và Trần Thị Diễm P (nữ), sinh ngày 07/05/1991 (đã trưởng thành).

[3] Về tài sản chung: Ông Trần Văn C và bà Huỳnh Thị Diệp X trình bày tự giải quyết.

[4] Về nợ chung: Ông Trần Văn C và bà Huỳnh Thị Diệp X trình bày không có nợ chung.

[5] Về lệ phí việc dân sự: Căn cứ quy định tại Điều 2 Luật Người cao tuổi năm 2009 và điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 quy định miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí đối với người cao tuổi (là công dân Việt Nam từ đủ 60 tuổi trở lên) nên các đương sự không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Diệp X và ông Trần Văn C thuận tình ly hôn (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 6, Quyển số 0186 đăng ký ngày 01/02/1986 tại Ủy ban nhân dân Phường G, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh)

1.2. Về con chung: Căn cứ Giấy khai sinh số 92, Quyển số 0186 đăng ký ngày 06/5/1986 tại Ủy ban nhân dân Phường G, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh và Bản sao Giấy khi sinh số 305, Quyển số 01/91 đăng ký ngày 14/7/1991 tại Ủy ban nhân dân Phường G, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh; cùng lời xác nhận của ông C và bà X; ông bà có 02 (hai) con chung, họ và tên: Trần Thị Diễm H (nữ), sinh ngày 07/04/1986 (đã trưởng thành) và Trần Thị Diễm P (nữ), sinh ngày 07/05/1991 (đã trưởng thành).

1.3. Về tài sản chung: Tự giải quyết

1.4. Về nợ chung: Không có.

1.5. Về lệ phí việc dân sự: Căn cứ quy định tại Điều 2 Luật Người cao tuổi năm 2009 và điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 quy định miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí đối với người cao tuổi (là công dân Việt Nam từ đủ 60 tuổi trở lên) nên các đương sự không phải chịu lệ phí dân sự sơ thẩm.

2. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND Tp. HCM;
- VKSND Quận 7;
- Chi cục THADS Quận 7;
- Các đương sự;
- Cơ quan nơi cấp GCNKH;
- Lưu: VT, HS, (Vy).

THẨM PHÁN

Lê Thuần Phong